

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN THỦY
TỈNH HÒA BÌNH
Số: 21/2024/QĐST-HNGĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Y, ngày 21 tháng 8 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 33/2024/TLST/HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2024 giữa:

- Nguyên đơn: **Bùi Thị H**, sinh ngày: 24/5/1987

Địa chỉ: **Xóm K, xã B, huyện Y, tỉnh Hòa Bình**

Bị đơn: **Bùi Văn L**, sinh ngày: 18/02/1978

Địa chỉ: **Xóm K, xã B, huyện Y, tỉnh Hòa Bình**

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:

Bà **Bùi Thị T** – Trợ giúp viên pháp lý thuộc **Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh H**.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

N – **Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Y**, tỉnh Hòa Bình.

Người đại diện theo pháp luật:

Ông **Dương Quyết T1** – Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Bùi Mậu K**

Chức vụ: Phó Giám đốc **Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Y**, tỉnh Hòa Bình.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điều 55, điều 59, điều 60, điều 81, điều 82, điều 83, điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 8 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 8 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thoả thuận giữa chị **Bùi Thị H** và anh **Bùi Văn L**.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

a/ Về tình cảm: Chị **Bùi Thị H** và anh **Bùi Văn L** thuận tình ly hôn.

b/ Về con chung: Giao cháu **Bùi Thanh T2**, sinh ngày 04/3/2014 cho anh **Bùi Văn L** trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục. Chị **Bùi Thị H** chưa phải đóng góp cấp dưỡng cùng anh **Bùi Văn L**. Chị **Bùi Thị H** có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án quyết định hạn chế quyền thăm nom con chung của người không trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con chung sau này, theo yêu cầu của người không trực tiếp nuôi con hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

c/ Về tài sản, công nợ chung:

- Về tài sản chung: Chị **Bùi Thị H** và anh **Bùi Văn L** tự thoả thuận và chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị **Bùi Thị H**, anh **Bùi Văn L** và đại diện theo ủy quyền của **Ngân hàng C** - Phòng giao dịch **Ngân hàng chính sách xã hội huyện Y**, tỉnh Hòa Bình tự thoả thuận và đề nghị Tòa án ghi nhận cụ thể:

Anh **Bùi Văn L** có nghĩa vụ trả nợ cho **Ngân hàng C** - Phòng giao dịch **Ngân hàng chính sách xã hội huyện Y**, tỉnh Hòa Bình khoản nợ vay ngày 23/7/2021 dư nợ đến ngày 26/6/2024 là 49.000.000đ (Bốn mươi chín triệu đồng) và khoản vay ngày 23/4/2022 dư nợ hiện tại là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng). Tổng số tiền anh **Bùi Văn L** có nghĩa vụ thanh toán trả cho **Ngân hàng C** - Phòng giao dịch **Ngân hàng chính sách xã hội huyện Y**, tỉnh Hòa Bình là 99.000.000đ (Chín mươi chín triệu đồng) tiền gốc và tiền lãi phát sinh.

Chị **Bùi Thị H** có nghĩa vụ trả nợ cho **Ngân hàng C** - Phòng giao dịch **Ngân hàng chính sách xã hội huyện Y**, tỉnh Hòa Bình khoản nợ vay ngày 23/4/2020 số tiền là 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng) và khoản vay ngày 23/02/2022 số tiền là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng). Tổng số tiền chị **Bùi Thị H** có nghĩa vụ thanh toán trả cho **Ngân hàng C** - Phòng giao dịch **Ngân hàng chính sách xã hội huyện Y**, tỉnh Hòa Bình là 45.000.000đ (Bốn mươi lăm triệu đồng) tiền gốc và tiền lãi phát sinh.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thanh toán trả số tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu thêm một khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chưa thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 Luật thi hành án dân sự. Thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự

d. Về án phí: Chị **Bùi Thị H** thỏa thuận nhận nộp 150.000^d (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước theo biên lai thu số 0001573 ngày 11/6/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Thủy. Chị **Bùi Thị H** còn được hoàn lại 150.000^d (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hòa Bình
- THADS huyện Yên Thủy
- VKSND huyện Yên Thủy
- UBND xã/TT nơi đương sự cư trú
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Trung Nghĩa